Chi tiết mã HS 2809.20.99

Mã HS	2809.20.99
Mô tả hàng hóa	Diphospho pentaoxit; axit phosphoric; axit polyphosphoric, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học / - Axit phosphoric và axit polyphosphoric: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 11:54:59
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/28092099/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3479
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3479
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3479
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3433
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3394
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3394
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3394
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3394
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3394
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3394
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3432
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3432
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3432

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3432
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3432
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3432
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3436
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3436
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3436
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3436
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3436
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3436
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3436
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3400
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3396
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3396
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3396
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3396
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3396
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3396
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3396
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3396
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3396
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3396
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3396
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3396
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3443
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3443
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3443

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3443
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3443
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3443
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3440
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3440
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3440
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3440
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3440
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3440
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D3448
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E3448
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F3448
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G3448
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H3448
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I3448
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D3419
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3419
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3419
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3419
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3419
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3419
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D3421
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3421
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3421
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3421
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3421

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3421
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3419
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3419
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3419
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3419
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3419
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3419
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3419
RCEP A	2022	2022	5	RCEPT-A!D3440
RCEP A	2023	2023	5	RCEPT-A!E3440
RCEP A	2024	2024	5	RCEPT-A!F3440
RCEP A	2025	2025	5	RCEPT-A!G3440
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H3440
RCEP A	2027	2027	5	RCEPT-A!I3440
RCEP B	2022	2022	5	B!D3440
RCEP B	2023	2023	5	B!E3440
RCEP B	2024	2024	5	B!F3440
RCEP B	2025	2025	5	B!G3440
RCEP B	2026	2026	5	B!H3440
RCEP B	2027	2027	5	B!I3440
RCEP C	2022	2022	5	C!D3440
RCEP C	2023	2023	5	C!E3440
RCEP C	2024	2024	5	C!F3440
RCEP C	2025	2025	5	C!G3440
RCEP C	2026	2026	5	C!H3440
RCEP C	2027	2027	5	C!I3440

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	5	D!D3440
RCEP D	2023	2023	5	D!E3440
RCEP D	2024	2024	5	D!F3440
RCEP D	2025	2025	5	D!G3440
RCEP D	2026	2026	5	D!H3440
RCEP D	2027	2027	5	D!I3440
RCEP E	2022	2022	5	E!D3443
RCEP E	2023	2023	5	E!E3443
RCEP E	2024	2024	5	E!F3443
RCEP E	2025	2025	5	E!G3443
RCEP E	2026	2026	5	E!H3443
RCEP E	2027	2027	5	E!I3443
RCEP F	2022	2022	5	F!D3440
RCEP F	2023	2023	5	F!E3440
RCEP F	2024	2024	5	F!F3440
RCEP F	2025	2025	5	F!G3440
RCEP F	2026	2026	5	F!H3440
RCEP F	2027	2027	5	F!I3440
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3167
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3167
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3167
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3167

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 5%, RCEP (Phụ lục B) 5%, RCEP (Phụ lục C) 5%, RCEP (Phụ lục D) 5%, RCEP (Phụ lục E) 5%, RCEP (Phụ lục F) 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2809.20 có 6 dòng thuế; dòng 2809.20.99 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2809.20.31 Axit hypophosphoric (SEN); 2809.20.32 Axit phosphoric (SEN); 2809.20.39 Loại khác (SEN); 2809.20.91 Axit hypophosphoric; 2809.20.92 Axit phosphoric	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2809.20.99. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 2809.20.99 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3479), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.